

QUAN HỆ HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI BỐ Y TẠI THÔN NẬM LƯƠNG, XÃ QUYẾT TIỀN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

TS. Hoàng Phương Mai
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Qua tìm hiểu vấn đề hôn nhân, gia đình và dòng họ của người Bố Y tại thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang hiện nay, bài viết muốn góp thêm tư liệu nhằm làm rõ vai trò của phong tục tập quán truyền thống ở các lĩnh vực này đối với việc xây dựng những mối quan hệ xã hội cộng đồng và tiếp nối các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh thực thi Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay nói chung và người Bố Y nói riêng.

Từ khóa: Hôn nhân, gia đình, dòng họ, người Bố Y.

1. Mở đầu

Dân tộc Bố Y ở Việt Nam thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Káđai, là một trong những tộc người có dân số ít (2.273 người), cư trú chủ yếu tại các tỉnh: Lào Cai (1.398 người, chiếm 61,5% tổng số người Bố Y tại Việt Nam), Hà Giang (808 người, chiếm 35,5%). Dân tộc Bố Y di cư đến nước ta vào khoảng giữa thế kỷ XIX theo nhiều con đường khác nhau và gồm có 3 ngành chính, đó là *Pầu Y*, *Pầu Nả* và *Pầu Thỉn* (Viện Dân tộc học, 2014, tr. 363). Giữa các ngành có sự khác biệt trong phong tục tập quán, ngôn ngữ và trang phục của người phụ nữ.

Nghiên cứu về người Bố Y và vấn đề quan hệ hôn nhân, gia đình, dòng họ của người Bố Y cho đến nay không nhiều, chủ yếu được đề cập qua các chuyên khảo liên quan đến tộc người này. Các xuất bản phẩm của Viện Dân tộc học như: *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc*

Việt Nam (1975); “Dân tộc Bố Y” trong *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)* và *Sổ tay các dân tộc ở Việt Nam* (1983),... Những công trình nghiên cứu này đã chỉ ra những đặc điểm nguồn gốc tộc người, địa vực cư trú, ngôn ngữ và những phong tục truyền thống của người Bố Y, trong đó phần viết về hôn nhân gia đình còn rất sơ lược. Sau này, cuốn *Các dân tộc ở Hà Giang* (2004) do Lê Duy Đại và Triệu Đức Thanh chủ biên đã phân tích chi tiết hơn những vấn đề chung về người Bố Y, đặc biệt là thiết chế xã hội, trong đó có phần viết về hôn nhân gia đình.

Những năm sau đó, nghiên cứu dân tộc Bố Y ở Việt Nam thiên về lĩnh vực văn hóa hơn là khía cạnh xã hội, như: *Những nét tương đồng và khác biệt về văn hóa của người Tu Dí và Bố Y* của Nguyễn Thị Thanh Nga (2005), *Văn hóa vật thể người Bố Y* của Nguyễn Hữu Thọ (2009); *Văn hóa dân gian*

người Bố Y ở Lào Cai do Trần Hữu Sơn chủ biên (2013),... Những nghiên cứu này chủ yếu khái quát các thành tố văn hóa tộc người nhưng nội dung về hôn nhân gia đình, dòng họ còn rất khiêm tốn.

Vì vậy, việc đi sâu tìm hiểu và cập nhật quan hệ hôn nhân, gia đình, dòng họ của dân tộc Bố Y, nhất là trong bối cảnh mới, để hiểu rõ hơn những biến đổi văn hóa xã hội có tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở đó, góp phần nhận diện biến đổi bản sắc của tộc người Bố Y từ Đổi mới (1986) đến nay. Điểm nghiên cứu được chúng tôi lựa chọn là một cộng đồng người Bố Y ở thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang. Người Bố Y sinh sống ở đây tập trung và đông nhất so với các nơi khác ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Quan hệ hôn nhân

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, người Bố Y có quan niệm muốn con em mình kết hôn với những người trong họ để vừa có thể bảo toàn được gia sản và con cái họ không phải rời xa gia đình. Đối tượng kết hôn thường là con cô, con cậu hoặc con bác. Sau Cách mạng tháng Tám, do cuộc sống cộng cư với nhiều tộc người liên kề và trình độ nhận thức cũng tăng lên, nên người Bố Y kết hôn với người ngoài dòng họ và với các dân tộc khác ngày một nhiều hơn.

Theo phong tục của người Bố Y, trẻ em đến 12 tuổi có thể được coi là người lớn. Nếu trẻ chết khi chưa đủ 12 tuổi, khi chôn không được tạc bia mộ, không được ghi tên vào dòng dõi gia tộc vì chưa là người trưởng thành. Khi người con trai 12 tuổi, bố mẹ có thể đi hỏi vợ cho con mình. Theo quan niệm của người Bố Y, người con trai nếu lấy vợ nhiều tuổi hơn thì biết chăm sóc gia đình tốt hơn và có thêm một lao động chính. Vì vậy,

cũng không có gì ngạc nhiên rằng ở các gia đình trẻ, chồng mới 14 - 15 tuổi nhưng người vợ đã ở tuổi 17 - 18 là hiện tượng phổ biến ở người Bố Y trong xã hội truyền thống.

Hôn nhân của người Bố Y trước Cách mạng tháng Tám có nhiều đặc điểm giống các tộc người thuộc ngôn ngữ Tày - Thái Kàđai ở miền núi phía Bắc. Trong nghi lễ cưới xin, bước đặt đồ lễ thách cưới (của nhà gái đối với nhà trai) mang đậm tính chất gả bán; tảo hôn là tình trạng không khó tìm ở các cộng đồng Bố Y truyền thống. Bên cạnh đó, tập tục ở rể và ở rể đời (nếu gia đình nhà gái không có con trai) được cộng đồng Bố Y chấp nhận. Vai trò của bố, mẹ rất quan trọng trong việc hỏi vợ, gả chồng cho con cái. Thông thường, việc hôn nhân của con cái do bố mẹ quyết định. Người con trai thường tìm cô dâu hợp tuổi và môn đăng hộ đối từ khi còn nhỏ tuổi, rồi trình báo với bố mẹ.

Để hỏi vợ cho con, bố mẹ thường chọn người trong làng/bản để làm mối. Qua bà mối, gia đình cô gái bày tỏ nguyện vọng của mình trong việc chọn rể và các nghi lễ liên quan đến cưới xin. Nếu nhà gái nhận lời thì bà mối mượn lá số của cô gái về để nhà trai so tuổi cho đôi lứa. Khi nhà gái nhận lời, gia đình cô gái còn gửi quà để bà mối tặng nhà trai, gồm chục trứng gà nhuộm đỏ, tỏ lòng yêu mến của mình với chàng rể tương lai. Nếu hợp tuổi, nhà trai sẽ đem một số lễ vật đến nhà gái trả lá số và xin “giá ăn hỏi”. Lễ vật này thường có một chai rượu, 1kg đường và một con gà.

Trước lễ đón dâu một ngày, nhà trai mang đồ lễ đến nhà gái gồm: một đôi gà, bảy đôi bánh dày làm bằng gạo nếp, 40kg gạo tẻ, 40 lít rượu trắng, 40kg thịt lợn và một bộ y phục nữ đựng trong rương gỗ màu đỏ (quần áo, khăn, xiêm, giày vải, trang sức

bằng bạc gồm một đôi khuyên, một đôi vòng cổ, một đôi vòng tay).

Đoàn đón dâu thường có từ 8 đến 10 người, nhưng đa số là người trẻ tuổi, trong đó phải có hai đôi nam nữ còn son trẻ và hai đôi đã có vợ/chồng. Những người này đều là anh, chị, em và bạn bè thân thiết của chú rể. Tuy nhiên, trong đoàn đón dâu, chú rể không có mặt, mà người em trai ruột hoặc em họ chú rể dắt theo một con ngựa đẹp để đón cô dâu. Nhà gái cũng cử ra một đoàn có thành phần và số người tương ứng với đoàn nhà trai để đưa dâu. Khi về nhà chồng, cô dâu mang theo một bộ đồ dùng để may khâu, dệt vải hoặc dụng cụ nữ công, thể hiện con dâu sau này sẽ là người phụ nữ đảm đang.

Về đến nhà, chú rể ra đón cô dâu. Sau đó, hai người cùng quỳ trước bàn thờ tổ tiên và được một cặp bạn trai gái dẫn đi mời rượu để nhận họ hàng. Khi chúc rượu, cô dâu và chú rể được mọi người tùy tâm trao tặng một số tiền để sau này làm vốn. Tập tục này đến nay vẫn được người Bồ Y gìn giữ trong các lễ nghi đám cưới.

Trước kia, người Bồ Y có tục ở rể, sau lễ cưới từ 2 đến 3 ngày, đôi vợ chồng trẻ về nhà bố mẹ cô dâu ở cho đến khi người vợ mang thai mới trở lại nhà chồng. Ngày nay, họ chỉ cần về nhà bố mẹ vợ ở tạm trong khoảng một tháng. Bên cạnh đó, phong tục của người Bồ Y cũng cho phép em trai được lấy chị dâu, nếu người anh mất. Tuy nhiên, không có trường hợp anh trai được lấy em dâu vì mục đích để người em thay thế anh giữ tài sản, chăm sóc các cháu và giữ chị dâu không được tái giá. Người phụ nữ nếu không đồng ý lấy em chồng thì phải ở vậy nuôi con chứ không được phép tái giá. Trong trường hợp gia đình không có

người em trai chồng để thay thế anh trai thì người phụ nữ mới được phép tái giá, đi lấy chồng khác.

Quan hệ hôn nhân của người Bồ Y hiện nay đã có nhiều biến đổi. Trai gái được tự do tìm hiểu người bạn đời. Họ tự nguyện đến với nhau. Khi yêu nhau rồi, đôi trai gái mới trình báo cha mẹ của mình. Ngày càng xuất hiện nhiều những trường hợp kết hôn giữa người Bồ Y với người dân tộc khác. Những trường hợp hôn nhân hỗn hợp tộc người này, nếu là mẹ người Bồ Y thì con của họ đa số khai theo dân tộc của mẹ.

3. Quan hệ gia đình

3.1. Quy mô và phân loại gia đình

Hoạt động kinh tế chủ yếu của dân tộc Bồ Y là nông nghiệp và chăn nuôi còn ở trình độ chưa phát triển, cần nhiều lao động giản đơn, nên luôn có nhu cầu cao về lao động. Bên cạnh đó, do tư tưởng trọng nam khinh nữ, muốn có con trai để nối dõi tông đường, phụng dưỡng cha mẹ và gánh vác các công việc lễ nghi quan trọng của gia đình nên người Bồ Y vẫn muốn sinh nhiều con,... Hiện nay, trung bình mỗi gia đình vẫn sinh từ 3 đến 5 con. Điều kiện kinh tế lại không cho phép việc nuôi dạy con cái, nên việc đảm bảo về các điều kiện giáo dục, sức khỏe cho con trẻ còn gặp rất nhiều khó khăn.

Gia đình người Bồ Y là gia đình phụ quyền. Mọi vấn đề quan trọng trong đời sống gia đình liên quan đến sản xuất, đầu tư, lễ nghi, dựng vợ gả chồng cho con cái đều do người đàn ông là chủ gia đình quyết định. Gia đình Bồ Y truyền thống thường có 3 thế hệ cùng chung sống. Ngày nay, phần lớn sau khi lập gia đình, các đôi vợ chồng trẻ thường tách ra ở riêng. Vì vậy, gia đình 2 thế hệ

chiếm tỷ lệ cao nhất. Năm 2014, thôn Nậm Lương có 68 hộ người Bô Y sinh sống, trong đó có 1 hộ là cặp hôn nhân (chưa sinh con, mới tách ra ở riêng); 36 hộ là gia đình hạt nhân, gồm 2 thế hệ cùng chung sống; 12 hộ là gia đình 3 thế hệ, 14 hộ là gia đình mở rộng và 5 hộ là gia đình không đầy đủ.

Tại thôn Nậm Lương, gia đình Bô Y truyền thống thường cư trú gần nhau, không tách biệt với họ hàng thân thuộc của mình. Vì vậy, các gia đình hạt nhân thường sống liền kề với gia đình cha mẹ, điều đó cho thấy thiết chế thân tộc như một sự bổ sung tích cực cho gia đình hạt nhân. Đó không chỉ là sự tương trợ về vật chất khi khó khăn và hoạt động sản xuất kinh tế khi cần thiết, chỗ dựa về tình cảm mà còn có vai trò quan trọng trong sự cố kết tộc người trong phạm vi cộng đồng của người Bô Y.

3.2. Quan hệ trong gia đình

Dưới chế độ phụ hệ, sự bất bình đẳng giới thể hiện rõ nét trong các mối quan hệ gia đình của người Bô Y truyền thống, đó là sự phân biệt rất rõ ràng về vị trí của các thành viên, thể hiện ở vị trí của mỗi người trong kết cấu bền chặt của gia đình, dòng họ và cộng đồng làng bản. Các mâu thuẫn lớn trong gia đình hay giữa anh em cùng dòng tộc ở người Bô Y rất ít xảy ra. Điều này cũng có thể được lý giải bởi một hệ thống luật tục rất cụ thể của tộc người trong việc điều phối các mối quan hệ và ứng xử của những thành viên trong cộng đồng. Mối quan hệ ấy được biểu hiện rất rõ nét trong gia đình người Bô Y ở thôn Nậm Lương vào thời điểm nghiên cứu.

- *Quan hệ giữa cha mẹ và con cái*: Gia đình người Bô Y truyền thống luôn đề cao đạo hiếu nghĩa của con cái đối với cha mẹ

nhưng không quá khắt khe như quan niệm Khổng giáo, mà thiên về thái độ biết ơn của con cái đối với công lao sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ. Điều đó được thể hiện ở lòng biết ơn, sự kính trọng và trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ khi ốm đau, già yếu. Con cái hiếu thuận với cha mẹ được coi là đạo lý quan trọng nhất trong cuộc sống gia đình người Bô Y.

Người Bô Y quan niệm, quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu là một quãng thời gian dài từ khi cô gái về làm dâu đến khi cha mẹ chồng mất đi và chăm sóc chồng đến khi “đầu bạc răng long”. Chính vì vậy, mẹ chồng luôn tâm niệm phải yêu quý con dâu như con đẻ và ân cần dạy bảo để cô gái nhanh chóng hòa nhập với sinh hoạt gia đình chồng để có cuộc sống thoải mái như ở nhà bố mẹ đẻ. Bên cạnh đó, con dâu luôn phải lắng nghe lời chỉ dạy của bố mẹ và người bề trên của gia đình bên chồng. Con dâu không được chê bai nhà chồng nghèo khổ và so sánh hai bên nội ngoại khi đã làm dâu. Trong sinh hoạt gia đình, con dâu không được ngồi ăn cơm hoặc nói chuyện đối mặt với bố chồng và anh chồng. Đến bữa cơm, phụ nữ và đàn ông ngồi ăn ở các mâm riêng. Phân biệt giữa nam, nữ còn thể hiện trong những ngày tết; chẳng hạn, ngày đầu năm mới, phụ nữ không được bước ra khỏi nhà vì sợ đi xông nhà người khác, hoặc không làm nhiều công việc nhà vì sợ sẽ gây xui xẻo cho gia đình trong cả năm đó. Ở chiều cạnh này, có thể nói, trong gia đình người Bô Y có mối liên hệ bền chặt giữa các thành viên dựa trên quy tắc và luật tục nhất định. Đây chính là sự ràng buộc trong khuôn phép khó bị phá vỡ, tạo nên sức sống tiềm tàng làm cơ sở gìn giữ những giá trị văn hóa lưu truyền từ đời này sang đời khác.

- *Quan hệ giữa vợ và chồng*: Đối với quan hệ vợ chồng của người Bồ Y là sự liên kết của hôn nhân được tạo nên bằng cả những sức ép từ bên ngoài, từ quan niệm xã hội để gia đình luôn thuận hòa, yên ấm và đúng chuẩn mực. Chính vì vậy, hiện tượng ly hôn trong xã hội truyền thống ít xảy ra, kể cả với những cuộc hôn nhân hoàn toàn do bố mẹ sắp đặt.

Sự thủy chung vợ chồng là một giá trị đạo đức rất được gia đình Bồ Y coi trọng. Trong xã hội truyền thống, những kẻ bạc tình đều bị lên án mạnh mẽ và ly hôn là điều tối kỵ xảy ra. Theo luật tục của người Bồ Y, nếu người vợ ngoại tình sẽ bị đuổi ra khỏi nhà và phải bồi thường một số lượng tài sản cho nhà chồng. Nếu người chồng ngoại tình thì sẽ nộp phạt lợn gà, bồi thường danh dự cho nhà gái. Ngoài đền bù về vật chất, những tai tiếng xấu là điều không ai muốn mang lại cho gia đình mình. Vì vậy, hiện tượng ngoại tình cũng hiếm khi xảy ra.

Chế độ gia trưởng điển hình của người Bồ Y khiến quyền lực chủ yếu nằm trong tay người đàn ông, người chồng, người cha. Người vợ và con cái ở vào địa vị phụ thuộc, làm theo quyết định của người chồng. Quyền được trao trong vai trò đảm nhiệm những quyết định công việc quan trọng của gia đình và đối ngoại với bên ngoài. Ở một góc nhìn khác, đây chính là động lực để duy trì sự ổn định của gia đình gia trưởng.

3.3. Phân chia tài sản

Đối với Bồ Y cũng như các dân tộc là gia đình phụ quyền, tài sản hoàn toàn chỉ được chia cho những người con trai. Con gái không được chia của cải vật chất do bố mẹ để lại.

Tài sản gồm có đất, gia súc, dụng cụ lao động, tiền bạc,... Người con trai nào mới xây dựng gia đình mà muốn tách ra ở riêng, sẽ được bố, mẹ chia đất và của cải hiện có trong gia đình. Sau này, anh ta không được phép xin thêm hoặc yêu cầu phân chia tài sản nữa.

Thông thường, nếu một gia đình có 3 người con, tài sản sẽ được chia làm 4 phần đều nhau, gồm 3 phần chia đều cho 3 người con, phần thứ 4 dành cho bố, mẹ. Phần tài sản của bố, mẹ sẽ dành cho người con nào nuôi dưỡng họ lúc tuổi già. Thông thường, con cả sống với bố, mẹ đến khi mất thì người này có trách nhiệm lập bàn thờ. Tất cả các con trai đã lấy vợ, ra ở riêng đều lập bàn thờ bố mẹ của mình, nhưng bàn thờ chính vẫn để ở nhà người con trai cả.

Tài sản chung của mỗi dòng họ là chiếc trống đồng. Cho đến nay, dòng họ Phan ở thôn Nậm Lương vẫn còn lưu giữ một chiếc. Mọi thành viên của dòng họ có trách nhiệm bảo quản, gìn giữ không được làm hư hỏng, mất mát tài sản chung này. Trống đồng ở Nậm Lương của người Bồ Y chỉ được sử dụng vào việc tang ma hoặc dịp lễ nghi quan trọng của dòng họ.

3.4. Phân công lao động trong gia đình

Theo số liệu điều tra của Phòng Dân tộc huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang, tuổi thọ trung bình của người Bồ Y vào khoảng 60 - 65 tuổi, nhưng nữ giới có tuổi thọ thấp hơn nam giới. Theo giải thích của người dân, nguyên nhân khiến người phụ nữ Bồ Y trong cộng đồng có tuổi thọ thấp là do họ phải gánh vác nhiều công việc nội trợ, là người sản xuất chính trong gia đình. Hơn nữa, còn do sinh đẻ nhiều, lao động vất vả, việc tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh lại ít hơn nam giới.

Trong xã hội truyền thống, người đàn ông có trách nhiệm là lao động chính, đồng thời điều phối công việc sản xuất như chọn đất phát nương, làm ruộng, chọn giống... và phân bổ việc chi tiêu của gia đình cho hợp lý. Nếu người nào không biết điều tiết công việc sản xuất, không biết dạy bảo con cái thì chỗ đứng trong dòng họ, xóm làng cũng rất thấp kém.

Ngày nay, vai trò của người phụ nữ trong gia đình đã được cải thiện, đặc biệt là đối với những gia đình hạt nhân. Loại gia đình trẻ gồm hai thế hệ này, đã cho thấy người phụ nữ được quyền tham dự, bàn bạc và đưa ra quyết sách cho các công việc không chỉ quan trọng mà cả công việc chung khác. Trong lao động và sinh hoạt của gia đình, người phụ nữ cũng trong thế bình đẳng, thậm chí mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho gia đình. Họ được quyền ăn chung mâm với cả gia đình, tiếp khách khi gia đình có khách,... Hiện nay ở thôn Nậm Lương, phụ nữ giữ vai trò quan trọng không chỉ trong các công việc nội trợ, chăm sóc nhà cửa, nuôi dạy con cái mà có nhiều chị em tham gia vào sinh hoạt và hoạt động đoàn thể xây dựng nông thôn mới ở cộng đồng.

3.5. Sinh đẻ, nuôi dạy con cái

Trong xã hội truyền thống, tư tưởng trọng nam khinh nữ được coi như tính chất của gia đình gia trưởng, phụ quyền. Vì thế, ngoài mong muốn sinh được nhiều con để có lao động, giàu có, mỗi gia đình đều mong muốn sinh được con trai để nối dõi tông đường. Nếu lấy vợ đầu mà không sinh được con trai, người đàn ông có thể lấy 2 đến 3 vợ cho đến khi người đó sinh được con trai mới

thôi. Trong xã hội cũ, việc lấy nhiều vợ khá phổ biến ở người Bố Y, nhưng từ khi Luật Hôn nhân và Gia đình được ban hành, người Bố Y bắt đầu thực hiện chế độ một vợ một chồng. Gia đình không sinh được con trai có thể nhận con nuôi làm người nối dõi.

Khi mang thai, người phụ nữ phải ở bên nhà chồng cho đến ngày sinh nở. Trước đây, người Bố Y có tục đẻ ngồi, cắt rốn bằng cật tre và chôn nhau ở ngay gầm giường sản phụ. Ngày nay, các xã đều có trạm y tế với đội ngũ y tá, hộ lý số lượng từ 6 đến 8 người, được đào tạo chuyên môn. Một số bác sĩ được bệnh viện huyện định kỳ cử về trạm y tế xã phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân nên công tác vận động phụ nữ Bố Y đến theo dõi sức khỏe thai sản và sinh nở tại các trạm y tế ngày càng có hiệu quả tích cực.

Theo tập tục truyền thống, các lễ đầy tháng, cúng mụ và đặt tên cho đứa trẻ được gia đình tổ chức sau khi sinh 33 ngày đối với bé trai và sau 32 ngày với bé gái. Trong lễ này, gia đình bố mẹ đẻ cô dâu khi đến thăm con mình ở cử, chuẩn bị tã lót và quần áo cho cháu, còn phía gia đình nhà chồng chuẩn bị 30 kg thịt lợn và 20 lít rượu để làm lễ cúng. Nếu trẻ hay quấy khóc, người ta chọn một người khỏe mạnh, thân thiết với gia đình nhận đứa trẻ làm bố nuôi. Khi bé tròn 3 tháng tuổi, gia đình làm lễ “Ba sáng” để thầy cúng xem số mệnh cho đứa trẻ. Thầy cúng nhìn ra đứa trẻ hợp tuổi với đứa trẻ của gia đình khác, bố mẹ hai nhà có thể nhận con trước để sau này dựng vợ, gả chồng cho con.

Việc giáo dục con cái của người Bố Y rất nghiêm khắc. Nếu con cái phạm lỗi, cha

mẹ sử dụng đòn roi là điều hay xảy ra, hoặc phạt con bằng cách rải hạt ngô và bắt con trẻ quỳ gối lên. Chỉ khi nào bố mẹ cho phép, người con mắc lỗi mới được đứng dậy. Người Bồ Y có câu tục ngữ về việc dạy con rằng:

*“Triết chơ tù ma lặc hà cân ô chậy
Triết chơ lục ngải cờ lặc hà cân từ pa”*

Tạm dịch là:

*“Thương con chó thì đừng cho ăn bánh giầy
Thương con trẻ thì đừng cho ăn thịt cá”.*

Hàm ý muốn nói rằng, việc dạy dỗ con trẻ cần phải nghiêm khắc, không nên cung chiều. Thương con là phải biết dạy con chịu khó, chịu khổ, chứ không phải thương con là cho ăn uống đầy đủ, chiều chuộng, con sẽ dễ sinh hư.

Trong 10 điều quy định của dòng họ Phan lập năm 1998 có ghi rằng: “Không ngừng củng cố phát triển dòng tộc về mọi mặt, cùng nhau chăm lo đào tạo tốt các thế hệ con cháu để phục vụ Tổ quốc và dòng họ. Đối với người thoát ly, phải học hết trung học và vào đại học, người ở địa phương ít nhất phải học hết cấp II. Người nào học lên cao hơn, thành tích đạt loại giỏi, sẽ được dòng họ giúp đỡ và khen thưởng. Ngược lại, người nào vi phạm những quy định trên sẽ bị dòng họ xử phạt thích đáng”. Chính vì lẽ đó, việc chăm lo cho giáo dục trẻ em rất được coi trọng ở người Bồ Y, tỷ lệ trẻ đi học luôn đạt tối đa và tỷ lệ trẻ em bỏ học ít hơn so với các dân tộc sống lân cận.

4. Quan hệ dòng họ

Người Bồ Y ở thôn Nậm Lương hiện nay có 6 dòng họ chủ yếu là: họ Dương (Giàng), Lù (Lộc), Phan (Phán), Ngũ (U),

Lò (Lô), Vương (Vàng), Ngô (Vù). Ngoài ra, còn họ Vũ và họ Vi có rất ít người¹.

Ở người Bồ Y, trưởng họ là người có uy tín về mọi mặt trong cộng đồng do các thành viên trong họ bầu lên, là người quyết định chính nhiều công việc quan trọng của dòng họ. Ông có quyền phân công các gia đình chăm sóc hương khói hàng năm những ngôi mộ chung của tổ tiên dòng họ từ 3 đời trở lên, có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi của mỗi người trong dòng họ khi bị xâm phạm (thân thể, chính trị, kinh tế, đất đai...). Các gia đình có việc lớn cần đầu tư chi phí nhiều (như làm nhà to, ma chay, cưới xin, gặp hoạn nạn, mâu thuẫn nội bộ...) phải báo cáo trưởng họ để xem xét tìm biện pháp giúp đỡ, giải quyết.

Mỗi dòng họ người Bồ Y cũng có những quy định trật tự, giới hạn của các dòng họ trong quan hệ cộng đồng riêng. Bên cạnh đó, mỗi dòng họ có một hệ thống tên đệm, mỗi chữ đệm dành cho một thế hệ và chỉ rõ vai vế của người mang tên đệm đó trong quan hệ họ hàng và được sắp xếp theo một trật tự nhất định. Ví dụ:

+ Chu kỳ tên đệm của dòng họ Phan là 9 đời: Phan Văn - Phan Hữu - Phan Thành - Phan Ngân - Phan Triều - Phan Đình - Phan Ngọc - Phan Thông - Phan Minh.

+ Họ Ngô có chu kỳ 12 tên đệm: Ngô Chính - Ngô Khởi - Ngô Triều - Ngô Đình - Ngô Phụng - Ngô Đức - Ngô Văn - Ngô Chương - Ngô Bảo - Ngô Định - Ngô An - Ngô Khang.

¹ Thời gian gần đây khi Nhà nước công nhận con cái có thể theo họ mẹ thì một số người dân tộc khác lấy vợ người Bồ Y đã chuyển dân tộc của con sang dân tộc mẹ là Bồ Y, nên trong cộng đồng người Bồ Y ở Nậm Lương có thêm họ Nguyễn, họ Hoàng...

Hệ thống chu kỳ tên đệm như trên được dành cho nam giới và không phân biệt anh em con chú, con bác, nếu ai sinh trước là anh, sinh sau là em. Khi hết một chu kỳ tên đệm thì quay trở lại từ đầu. Dù trong chiến tranh thất lạc, người Bồ Y khi biết tên nhau sẽ biết được vai vế, thứ bậc của nhau trong dòng tộc của mình.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, người Bồ Y thường không đặt tên cho con gái, mà cô con gái nào cũng được gọi là *Mây* và phân biệt theo theo số đếm. Ví dụ: Phan Dìn Mây (cô con gái thứ hai của nhà họ Phan), Ngô Sán Mây (cô con gái thứ ba của nhà họ Ngô),... Hiện nay, con gái được đặt tên có đệm là “Thị” giữa họ và tên.

Trong xã hội truyền thống, sự phân hóa giai cấp diễn ra khá đậm nét trong cộng đồng dòng họ người Bồ Y. Chẳng hạn, họ *Ngũ* chia ra làm các dòng khác nhau như: *Ngũ trắng* là dòng làm quan, *Ngũ đỏ* là thường dân, hay theo cách gọi miệt thị là *Ngũ đánh trống*, *Ngũ dê mèn*, *Ngũ đuổi trâu*,... Ông Phan Ngọc Dương ở thôn Nậm Lương cho rằng, sự phân biệt trong một cộng đồng huyết tộc như vậy là do âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân, phong kiến.

Ông Dương cũng cho biết, xưa kia người Bồ Y có mâu thuẫn với dân tộc Dao, nên con cái giữa hai tộc người này không được phép kết hôn với nhau. Nguyên nhân do sự phân biệt dân tộc của người Dao trong thời phong kiến; giữa họ Phan và họ *Ngũ* trước Cách mạng tháng Tám cũng có mâu thuẫn nên con cái hai họ không được lấy nhau. Đến nay, những mâu thuẫn ấy không còn nữa, trai gái có thể tự do tìm hiểu để đi tới hôn nhân như mong muốn.

Đặc trưng kinh tế sản xuất của người Bồ Y là nông nghiệp lúa nước, nên công việc cải tạo nguồn nước rất quan trọng. Điều đó cần đến sự liên kết giữa các gia đình trong dòng họ và cộng đồng lại với nhau để cùng phục vụ mục đích mưu sinh. Ban đầu là sự liên kết giữa các gia đình trong cùng một dòng họ. Sự cố kết dòng họ đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động sản xuất kinh tế tiểu nông, giúp nền kinh tế ấy khắc phục được những trở ngại, khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt. Từ khi hợp tác xã nông nghiệp giải thể, kinh tế hộ gia đình ra đời theo Khoản 10, các hộ nông dân được tự chủ trong sản xuất kinh doanh trên phần ruộng được giao khoán lâu dài của mình nên sự tương trợ nhau trong sản xuất càng được củng cố. Thông qua việc đổi công trong sản xuất, giữa các hộ gia đình trong dòng họ đã tạo nên quan hệ bền chặt hơn để hoàn thành các công việc cần nhiều lao động vào những ngày mùa vụ. Ngoài ra, mối quan hệ họ hàng còn giúp đỡ nhau cho những hộ gia đình trẻ mới ra ở riêng khi còn thiếu công cụ sản xuất.

Quan hệ dòng họ của người Bồ Y còn thể hiện ở vị trí cũng như trách nhiệm của mỗi gia đình trong dòng họ, rõ nét nhất là các dịp sinh hoạt văn hóa chung khi trong họ có các sự kiện như xây dựng khu mộ của tổ tiên, xây nhà thờ họ, tham gia vào một số việc chung của thôn làng,... Mỗi gia đình cử ra một người đại diện, thường là người đàn ông làm chủ gia đình tham gia cuộc họp của họ. Đại diện gia đình được nêu ý kiến của mình và khả năng được quyết định các việc quan trọng tùy vào vai vế trong dòng họ. Mỗi gia đình đều phải tham gia đóng góp cả về sức lực và tiền bạc của cải. Khi trong họ có gia đình chuẩn bị tổ chức đám cưới cho

con, hay có việc tang ma, trước tiên gia chủ mời đại diện một số gia đình có kinh nghiệm đến để bàn bạc, nhờ giúp đỡ về kinh tế và tổ chức lễ nghi cho bài bản. Tùy theo lời nhờ của gia chủ mà người trong họ có khả năng giúp đỡ một phần tiền bạc hay lợn, gà để làm lễ vật. Đến ngày chính lễ diễn ra, mọi người trong họ đều có mặt từ rất sớm lo dựng rạp, nấu cỗ, chuẩn bị đồ đạc, đón tiếp khách khứa... mọi việc có sự phân công cụ thể vì cần rất nhiều người với các vai trò khác nhau. Vì thế, các nghi lễ của người Bô Y biểu hiện tính cộng đồng, sự cố kết dòng họ khá rõ rệt.

5. Một vài nhận xét

Quan hệ hôn nhân, gia đình và dòng họ không chỉ là một trong những nền tảng xây dựng nên văn hóa xã hội tộc người Bô Y mà còn là nguồn lực nội sinh lưu giữ và phát huy những truyền thống tốt đẹp của tộc người. Bô Y là một trong những dân tộc có dân số ít nhất ở Việt Nam nói chung và Hà Giang nói riêng, cho đến nay dù vốn văn hóa truyền thống ít nhiều bị hòa đồng với các dân tộc sống xen kẽ trong vùng, song khi tiếp xúc với đồng bào chúng ta vẫn dễ dàng nhận ra những nét riêng của dân tộc này trong văn hóa xã hội hàng ngày, đặc biệt trong nếp sống gia đình.

Cho đến nay, gia đình của người Bô Y luôn ý thức đầu tư giáo dục cho con cái, vì vậy nhiều người Bô Y đạt trình độ học vấn cao, góp phần hình thành nên một đội ngũ trí thức cho dân tộc mình,... Nhìn nhận rõ tầm quan trọng về bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của tộc người trong bối cảnh hòa nhập và phát triển, nên những tri thức người Bô Y và những người có uy tín đã luôn cố gắng lưu giữ bằng cách sưu tầm, ghi chép lại văn

hóa truyền thống của dân tộc. Mặt khác, do quá trình học tập, giao lưu tiếp xúc với khoa học công nghệ và với tộc người Kinh, nên một bộ phận đội ngũ trí thức người Bô Y đã tiếp thu lối sống của người Kinh vào trong cuộc sống hàng ngày. Chính điều này đã làm phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc Bô Y hiện nay.

Qua tìm hiểu và phân tích quan hệ hôn nhân, gia đình, dòng họ ở một cộng đồng khá thuần nhất mà dân tộc Bô Y cư trú (thôn Nậm Lương) cho thấy, các phong tục tập quán truyền thống của tộc người vẫn tồn tại và đóng một vai trò quan trọng trong việc điều hòa các mối quan hệ ở cộng đồng tộc người bên cạnh pháp luật hiện hành. Hiện thực này tạo ra sự hài hòa, phù hợp trong thực hiện luật pháp với việc giữ gìn tinh hoa văn hóa tộc người.

Tại thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến, người dân nghiêm túc thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều đó góp phần giúp cho tính gia trưởng được giảm thiểu trong các gia đình Bô Y, nói cách khác là nâng cao sự bình đẳng trong các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, song vẫn giữ được chừng mực đạo đức phù hợp với phong tục của dân tộc.

Trong đời sống gia đình và dòng họ của cộng đồng người Bô Y hiện nay, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được triển khai đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã khuyến khích nhắc nhở mọi thành viên chăm lo tạo dựng gia đình hòa thuận; đoàn kết tương trợ trong cộng đồng; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, sống kỷ cương, giao tiếp ứng xử lễ phép, gương mẫu chấp hành quy ước, hương ước của địa

phương. Do đó nhiều giá trị văn hóa truyền thống được đề cao và phát huy, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến tích cực. Các chương trình này vừa phù hợp với yêu cầu bảo tồn văn hóa tộc người Bô Y, vừa giúp người dân thi đua phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Nga (2005), “Những nét tương đồng và khác biệt về văn hóa của người Tu Dí và Bô Y”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 486-492.
2. Ma Quốc Tám, Nguyễn Hữu Thọ (2009), *Văn hóa vật thể người Bô Y*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

3. Hoàng Phương Mai (2016), *Gia đình của người Sán Dìu vùng chân núi Tam Đảo*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Viện Dân tộc học (1983), *Sổ tay các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc. Tài bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Trần Hữu Sơn (Chủ biên, 2013), *Văn hóa dân gian người Bô Y ở Lào Cai*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội

7. Lê Duy Đại, Triệu Đức Thanh (2004), *Các dân tộc ở Hà Giang*, Nxb. Thế giới.



Phụ nữ Bô Y ở thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến,
huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang

Ảnh: Hồng Tám, chụp năm 2013